

# ĐÁNH GIÁ ĐA DẠNG HÌNH THÁI CÁC LOÀI THUỘC CHI LAN HOÀNG THẢO (*DENDROBIUM SP.*) BẢN ĐỊA Ở PHÍA NAM VIỆT NAM

Trịnh Thị Hương<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Yên<sup>2</sup>, Nguyễn Thị Thu Hương<sup>3</sup>

## TÓM TẮT

*Chi Hoàng Thảo (Dendrobium) đứng thứ 2 trong họ Lan (Orchidaceae) về số lượng và có giá trị kinh tế cao. Trong 16 mẫu các loài lan thuộc chi Hoàng Thảo bản địa khác nhau thu thập tại các tỉnh phía Nam Việt Nam và được trồng, lưu giữ tại các vườn lan ở Hà Nội, đã đánh giá đa dạng ở mức độ hình thái. Kết quả, các loài lan Hoàng Thảo thu được rất đa dạng và phong phú. Màu sắc hoa đa dạng: màu trắng, vàng nhạt, vàng, vàng đậm...; các đốm chấm trên cánh hoa nhiều hoặc ít, màu nâu, đỏ nâu hoặc đỏ, có lông, có u lồi... Điều này có ý nghĩa lớn trong công tác bảo tồn, lai tạo các giống lan có giá trị khoa học và kinh tế.*

**Từ khóa:** Đa dạng, chi Hoàng thảo, họ Lan.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chi Hoàng Thảo (*Dendrobium*) có khoảng 1.750 loài [1], là một trong những chi lớn nhất của họ Lan (Orchidaceae), phân bố chủ yếu ở Đông Nam Á, Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, New Guinea, phía Đông Australia và Pacific islands [2][3]. Ở Việt Nam, chi Hoàng thảo có khoảng 100 loài [2][4]. Các loài trong chi thường sống phụ sinh trên cây hoặc trên các hốc mùn trên đá, thường ở nơi ẩm [2]. Nhiều loài trong chi được sử dụng làm cảnh, làm thuốc, chữa bệnh, làm trà thảo dược, làm gia vị hay làm thức ăn [2].

Việt Nam có điều kiện khí hậu, môi trường tự nhiên rất thuận lợi, thích hợp cho việc sinh trưởng và phát triển của hoa Lan [5]. Tuy nhiên, tình trạng khai thác lan hiện nay làm cho nhiều loài đã bị tuyệt chủng hay có nguy cơ bị tuyệt chủng [6]. Như vậy, yêu cầu đặt ra là cần phải điều tra, thu thập để từng bước tiến tới tư liệu hóa nguồn gen, nghiên cứu phân loại, bảo tồn và khai thác hợp lý nguồn gen lan Hoàng thảo bản địa Việt Nam nói chung, Hoàng thảo bản địa phía Nam Việt Nam nói riêng. Bài báo này cung cấp thêm dữ liệu về các loài Lan Hoàng Thảo (*Dendrobium*) bản địa ở phía Nam Việt Nam làm cơ sở khoa học cho công tác bảo tồn.

### 2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là 16 loài lan thuộc chi Hoàng Thảo được thu thập ở các tỉnh Nam Bộ Việt Nam, đang lưu giữ tại các vườn lan ở Hà Nội (bảng 1).

<sup>1</sup> Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Hồng Đức; Email: trinthihuongtn@hdu.edu.vn

<sup>2</sup> Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, Trường Đại học Hồng Đức

<sup>3</sup> Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị, Trường Đại học Hồng Đức

**Bảng 1. Một số loài lan Hoàng Thảo ở phía Nam Việt Nam**

| TT | KH mẫu | Tên Việt Nam               | Tên La tinh              | Nơi thu thập | Nơi thu mẫu |
|----|--------|----------------------------|--------------------------|--------------|-------------|
| 1  | H1     | Hoàng thảo Sợi             | <i>D. capillipes</i>     | Lâm Đồng     | Hà Nội      |
| 2  | H2     | Hoàng thảo Vảy rắn         | <i>D. jenkinsii</i>      | Quảng Trị    | Hà Nội      |
| 3  | H3     | Hoàng thảo Vảy rồng        | <i>D. lindleyi</i>       | Lâm Đồng     | Hà Nội      |
| 4  | H4     | Hoàng thảo Hoàng lạp       | <i>D. chrysotoxum</i>    | Lâm Đồng     | Hà Nội      |
| 5  | H5     | Hoàng thảo Thủy tiên mỡ gà | <i>D. densiflorum</i>    | Lâm Đồng     | Hà Nội      |
| 6  | H6     | Hoàng thảo Long tu         | <i>D. primulinum</i>     | Lâm Đồng     | Hà Nội      |
| 7  | H7     | Hoàng thảo Ý thảo          | <i>D. gratiosissimum</i> | Lâm Đồng     | Hà Nội      |
| 8  | H8     | Hoàng thảo Hai thùy        | <i>D. bilobulstum</i>    | Lâm Đồng     | Hà Nội      |
| 9  | H9     | Hoàng thảo Móng rùa        | <i>D. anceps</i>         | Đồng Nai     | Hà Nội      |
| 10 | H10    | Hoàng thảo Thủy tiên tua   | <i>D. haveyanum</i>      | Lâm Đồng     | Hà Nội      |
| 11 | H11    | Hoàng thảo Hồng câu        | <i>D. aduncum</i>        | Kon Tum      | Hà Nội      |
| 12 | H12    | Hoàng thảo Trường sơn      | <i>D. delacourii</i>     | Lâm Đồng     | Hà Nội      |
| 13 | H13    | Hoàng thảo Kim điệp thơm   | <i>D. trigonopus</i>     | Kon Tum      | Hà Nội      |
| 14 | H14    | Hoàng thảo Môi tơ          | <i>D. brymerianum</i>    | Quảng Trị    | Hà Nội      |
| 15 | H15    | Hoàng thảo Tiểu bạch hạc   | <i>D. margaritaceum</i>  | Khánh Hòa    | Hà Nội      |
| 16 | H16    | Hoàng thảo Hỏa hoàng       | <i>D. christyanum</i>    | Lâm Đồng     | Hà Nội      |

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Xác định tên khoa học bằng hình thái so sánh và sử dụng các tài liệu như: Phong lan Việt Nam (Trần Hợp, 1998) [4], Thực vật chí Việt Nam - tập 9: Họ Lan - Chi Hoàng thảo (*Dendrobium*) (Dương Đức Huyền, 2007) [2], Flora of China - vol. 25 (*Orchidaceae*) (Z. Y. Wu, P. H. Raven & D. Y. Hong) [3]. Mô tả đặc điểm hình thái của loài và đánh giá đa dạng theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn (2007) [7]. Phân tích và xử lý số liệu theo các phương pháp thống kê sinh học trên phần mềm Microsoft Excel 2016.

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

16 loài lan Hoàng thảo, thu thập tại các tỉnh phía Nam Việt Nam, được nuôi trồng, chăm sóc tại các vườn lan để theo dõi, nghiên cứu, đánh giá và so sánh các đặc điểm về hình thái.

### 3.1. Đặc điểm hình thái của thân, lá

Kết quả hình thái các cơ quan sinh dưỡng của 16 loài lan Hoàng thảo được trình bày trong bảng 2.

**Bảng 2. Đặc điểm hình thái thân, lá một số loài lan Hoàng Thảo ở phía Nam Việt Nam**

| Mẫu | Đặc điểm thân (cm) |            |                 |           | Đặc điểm lá (cm) |          |              | Đặc điểm hình thái chính   |
|-----|--------------------|------------|-----------------|-----------|------------------|----------|--------------|--|
|     | CD TB thân         | ĐK TB ngọn | ĐK TB giữa thân | ĐK TB góc | CD TB lá         | CR TB lá | Số lá TB/cây |  |
| H1  | 37,9               | 0,44       | 0,79            | 0,37      | 14,2             | 2,73     | 14           | Thân hình trụ, cao 35-50cm; đốt có rãnh dọc; lá thuôn nhọn cỡ 10-15cm×2,5-3,4cm. |

| Mẫu | Đặc điểm thân (cm) |            |                 |           | Đặc điểm lá (cm) |          |              | Đặc điểm hình thái chính   |
|-----|--------------------|------------|-----------------|-----------|------------------|----------|--------------|--|
|     | CD TB thân         | ĐK TB ngọn | ĐK TB giữa thân | ĐK TB gốc | CD TB lá         | CR TB lá | Số lá TB/cây |  |
| H2  | 1,86               |            | 0,70            |           | 2,01             | 1,29     | 1            | Thân dẹt, 3-4 đốt, phình ở giữa, có khía rãnh dọc; có 1 lá ở đỉnh, dài 1,5-2,4cm, cứng, dày, thuôn, đầu tròn.                              |
| H3  | 4,32               |            | 0,82            |           | 6,20             | 2,01     | 1            | Thân dẹt, 3-4 đốt, phình ở giữa, có khía rãnh dọc; có 1 lá ở đỉnh, dài 5-7,5cm, cứng, dày, thuôn, đầu tròn.                                |
| H4  | 13,2               | 0,66       | 1,85            | 0,43      | 7,53             | 2,55     | 7            | Thân hình trụ, cỡ 12-20 × 1,3-2,2cm, phình to ở giữa, thuôn 2 đầu và có khía rãnh dọc thân; lá hình mác, cỡ 6,5-10 × 2,5-3cm, cứng và dày. |
| H5  | 27,6               | 0,82       | 2,46            | 0,84      | 14,1             | 4,42     | 9,3          | Thân hình trụ, cỡ 15-31 × 2-3,5cm, phình to ở giữa, thuôn 2 đầu và có khía rãnh dọc thân; lá hình mác, cỡ 12-15 × 3,5-5,3cm, cứng và dày.  |
| H6  | 42,5               | 0,49       | 0,94            | 0,46      | 7,70             | 2,80     | 20           | Thân mập, hình trụ, mềm cong hay buông xuống, cỡ 20-50 × 0,7-1,5cm; lá mềm hình giáo, cỡ 8-10 × 2cm, đỉnh chia 2 thùy nhỏ.                 |
| H7  | 68,7               | 0,36       | 0,59            | 0,46      | 7,63             | 2,99     | 32           | Thân hình trụ, cỡ 40-76 × 0,5-0,7cm, thõng xuống, lóng dài 2-2,5cm; lá hình mác, cỡ 7-10 × 2,2-3,3cm, đỉnh chia 2 thùy tù lệch.            |
| H8  | 26,5               | 0,4        | 0,78            | 0,43      | 2,40             | 0,94     | 23           | Thân hình chùy, cỡ 24-27 × 0,4-1,0cm, lóng dài khoảng 1,2cm; lá duy nhất hình thuôn, cỡ 2-3,5 × 0,5-1,2cm.                                 |
| H9  | 28,2               | 0,32       | 0,44            | 0,23      | 3,70             | 0,31     | 24           | Thân dẹt, dài 20-40cm; lá hình mác hẹp, cỡ 2,8-4,2 × 0,3-0,5cm, đỉnh nhọn.   |
| H10 | 42,6               | 0,38       | 0,61            | 0,37      | 8,40             | 2,60     | 22           | Thân hình con suốt, cỡ 32-45 × 0,5-1,3cm, dọc thân có 6-7 gờ, lóng dài 1,6-2cm; lá hình mác nhọn, cỡ 7-10 × 2-3cm.                         |
| H11 | 40,4               | 0,29       | 0,39            | 0,32      | 6,89             | 1,61     | 19           | Thân dài 35-44cm, lóng dài 1,8-2,2cm; lá hình mác rộng, cỡ 6-8 × 1,4-1,8cm, đỉnh nhọn.   |
| H12 | 34,9               | 0,58       | 0,82            | 0,56      | 15,2             | 3,22     | 21           | Thân dẹt, cao 20-40cm; lóng dài 2,4-2,7cm, có nhiều rãnh dọc; lá hình mác, dày bóng, cỡ 12-17 × 2,5-3,7cm.                                 |

| Mẫu | Đặc điểm thân (cm) |            |                 |           | Đặc điểm lá (cm) |          |              | Đặc điểm hình thái chính   |
|-----|--------------------|------------|-----------------|-----------|------------------|----------|--------------|--|
|     | CD TB thân         | ĐK TB ngọn | ĐK TB giữa thân | ĐK TB gốc | CD TB lá         | CR TB lá | Số lá TB/cây |  |
| H13 | 30,1               | 0,5        | 0,75            | 0,50      | 8,90             | 1,55     | 17           | Thân dài 25-34cm, lóng dài khoảng 1,8cm; lá hình mác, đỉnh nhọn, dài 7,5-9,1cm.  |
| H14 | 52,8               | 0,37       | 0,68            | 0,47      | 8,70             | 1,97     | 27           | Thân hình trụ, thuôn đều, cỡ 40-67 × 0,4-1cm, lóng dài 1,5-2,2cm; lá hình mác, cỡ 6-8 × 1,2-2,2cm, đỉnh nhọn.                          |
| H15 | 4,18               | 0,28       | 0,66            | 0,29      | 3,75             | 0,97     | 6            | Thân hình con suốt, cỡ 4-6 × 0,4-0,8cm; 4-6 lóng, dài 0,5-0,7cm; lá 3-4 cái, cỡ 3-4 × 0,8-1cm, hình mác, đỉnh chia 2 thùy nhọn lệch.   |
| H16 | 18,6               | 0,34       | 0,95            | 0,31      | 7,46             | 1,71     | 13           | Thân hình trụ, thuôn đều, cỡ 16-21 × 0,3-0,6cm, lóng dài 1-1,2cm.; lá 3-4 cái, cỡ 5-8 × 1,2-2cm, hình mác, đỉnh chia 2 thùy nhọn lệch. |

*Ghi chú: CD-chiều dài, ĐK-đường kính, CR-chiều rộng, TB-trung bình*

Qua bảng 2 cho thấy có sự sai khác rất lớn giữa các loài lan Hoàng Thảo thu thập ở nhiều tỉnh khác nhau của phía Nam Việt Nam.

Thân của các đại diện lan Hoàng thảo đều phân đốt, có nhiều hình dạng như: hình con suốt (H2, H3, H5, H10, H15), hình chùy (H8) và phổ biến nhất là hình trụ (H1, H4, H6, H7, H9, H11, H12, H13, H14, H16), có chiều dài dao động từ 2 cm - 3 cm (H2, H3) đến 75 cm (H7), đôi khi hơn, kích thước phổ biến là 20 cm - 50 cm. Lát cắt ngang thân có thể hình tròn (H1, H4, H5, H6, H7, H10, H11, H12, H13, H14, H16), hình bầu dục (H8, H9, H15) hay hình 4 cạnh (H2, H3). Kích thước ngang của thân thường có sự sai khác giữa phần gốc thân, ngọn thân và giữa thân nhưng gọi chung kích thước ngang này là chiều dày, thay đổi từ 0,39 cm (H11) đến 2,46cm (H5) nhưng đa số hay gặp là khoảng 0,5 cm - 1,0 cm. Thân có thể mảnh (H7, H9, H11, H12, H13, H14, H16) hoặc dày mập lên (H1, H2, H3, H4, H5, H6, H8, H10, H15).

Lá mọc thành hai dãy so le nhau, không cuống, bẹ ôm thân. Lá phân bố suốt dọc thân, nhưng ở nhiều đại diện lá tập trung 3 - 6 chiếc ở đỉnh thân (H1, H4, H5, ...), hoặc chỉ có 1 lá ở đỉnh thân (H2, H3), cũng có khi phần đỉnh thân chỉ có hoa mà không có lá (H7, H10, ...). Lá thường tồn tại khi cây ra hoa, nhưng ở nhiều loài lá rụng đi trước khi hoa nở (H10, H14,...). Lá có thể cứng (H2, H3, H8, H9,...) hoặc mềm (H6, H7, ...), bề mặt thường nhẵn. Lá nguyên, mép nhẵn, màu xanh, có các gân hình cung (5 hoặc 7 gân). Lá dạng hình lưỡi mác (H2, H5, H7, H9, H10, H11, H12, H13, H14, H15, H16), hình giáo (H6) hay hình bầu dục (H1, H3, H4, H8). Đỉnh lá nhọn (H1, H5, H8, H9, H10, H11, H12, H13, H14), tù (H7) hay tròn (H2, H3, H4, H6), rất nhiều trường hợp lá xẻ 2 thùy tù lệch (H7), nhọn lệch (H15, H16) hay hai thùy tròn (H6). Chiều dài của lá trung bình là 10,8 cm, thay đổi từ 2,01 cm (H2) đến 15,2 cm (H14) và chiều rộng trung bình của lá là 2,74 cm, dao động từ 0,31 cm (H9) đến 4,42 cm (H5).

### 3.2. Đặc điểm hình thái của hoa

Kết quả nghiên cứu đặc điểm hình thái hoa của 16 loài lan được trình bày ở bảng 3.

**Bảng 3. Đặc điểm hình thái hoa của một số loài Hoàng Thảo ở phía Nam Việt Nam**

| Ký hiệu mẫu | Số hoa/cụm hoa | Kích thước trung bình (cm) |         |      |           |      |          |      |   | Đặc điểm hình thái chính của hoa |
|-------------|----------------|----------------------------|---------|------|-----------|------|----------|------|---|----------------------------------|
|             |                | Đường kính hoa             | Đài hoa |      | Tràng hoa |      | Cánh môi |      |   |                                  |
|             |                |                            | Dài     | Rộng | Dài       | Rộng | Dài      | Rộng |   |                                  |
| H1          | 2-4            | 2,25                       | 1,05    | 0,6  | 1,10      | 0,55 | 1,75     | 1,55 | Cụm hoa sát đỉnh, mọc trên thân còn lá, dài khoảng 10cm; hoa màu vàng; đài hoa hình mác, đỉnh tù; tràng hoa hình bầu dục; cánh môi gần tròn, có đốm màu vàng đậm.   |                                  |
| H2          | 4-15           | 3,10                       | 2,52    | 1,57 | 2,60      | 1,45 | 2,90     | 3,00 | Cụm hoa bên, mọc trên thân còn lá; hoa màu vàng; đài hoa hình mác nhọn; cánh môi gần tròn, bề mặt phủ lông.   |                                  |
| H3          | 5-15           | 3,85                       | 3,05    | 1,74 | 3,10      | 1,85 | 3,20     | 3,40 | Cụm hoa bên, mọc trên thân còn lá; hoa màu vàng; đài hoa hình mác nhọn; cánh môi gần tròn, bề mặt phủ lông.   |                                  |
| H4          | 6-15           | 4,15                       | 3,22    | 2,15 | 3,40      | 2,25 | 3,65     | 3,60 | Cụm hoa sát đỉnh, mọc trên thân còn lá; hoa màu vàng; đài hoa hình mác, tròn đầu; tràng hoa hình mác rộng; cánh môi tròn, có một đốm cam ở giữa, bề mặt phủ lông mịn.   |                                  |
| H5          | 9-15           | 4,25                       | 3,55    | 2,21 | 3,65      | 2,50 | 3,85     | 3,80 | Cụm hoa sát đỉnh, mọc trên thân còn lá; hoa màu vàng; đài hoa hình mác, tròn đầu; tràng hoa hình mác rộng; cánh môi tròn, có một đốm cam ở giữa, bề mặt phủ nhú mịn.  |                                  |
| H6          | 1              | 4,50                       | 2,97    | 1,00 | 3,10      | 1,10 | 3,30     | 3,20 | Cụm hoa bên, mọc trên thân rụng gần hết lá; hoa màu tím nhạt; đài hoa hình mác hơi nhọn; tràng hoa hình mác, mép nhẵn, đỉnh tù; cánh môi gần tròn, có các gân màu tím; mép môi xẻ răng mịn.                           |                                  |
| H7          | 1-3            | 3,50                       | 2,40    | 0,70 | 2,40      | 0,75 | 2,65     | 2,20 | Cụm hoa bên, mọc trên thân rụng gần hết lá; hoa màu tím nhạt; đài và tràng hình mác; cánh môi gần tròn, ở giữa có đốm lớn màu vàng, ở góc có các vạch chéo mảnh màu tím.  |                                  |
| H8          | 1-2            | 0,95                       | 0,37    | 0,20 | 0,40      | 0,20 | 1,45     | 0,80 | Cụm hoa ở đỉnh cây non và cụm bên trên cây già, mọc trên thân còn lá; hoa màu trắng; đài và tràng dạng thuôn; cánh môi hình thoi, đỉnh tròn, mép hơi nhẵn, giữa phần đỉnh mang 1 u lồi tròn màu vàng có phủ lông mịn. |                                  |

| Ký hiệu mẫu | Số hoa/cụm hoa | Kích thước trung bình (cm) |         |      |           |      |          |      |   | Đặc điểm hình thái chính của hoa |
|-------------|----------------|----------------------------|---------|------|-----------|------|----------|------|---|----------------------------------|
|             |                | Đường kính hoa             | Đài hoa |      | Tràng hoa |      | Cánh môi |      |   |                                  |
|             |                |                            | Dài     | Rộng | Dài       | Rộng | Dài      | Rộng |   |                                  |
| H9          | 1              | 0,75                       | 0,24    | 0,11 | 0,25      | 0,10 | 0,85     | 0,45 | Cụm hoa bên, mọc trên thân còn lá. Đài và tràng màu trắng, hình mác, đỉnh tù. Cánh môi hình bầu dục, màu vàng nhạt.   |                                  |
| H10         | 2-4            | 3,25                       | 2,04    | 0,50 | 1,95      | 0,55 | 1,75     | 1,55 | Cụm hoa bên sát đỉnh, mọc trên thân không còn lá; hoa màu vàng; đài hình mác hơi nhọn; tràng hoa dạng thuôn; cánh môi gần tròn, mép có diềm tua, bề mặt phủ lông ngắn dày.  |                                  |
| H11         | 1-2            | 5,00                       | 2,43    | 0,81 | 2,45      | 0,95 | 2,93     | 2,00 | Cụm hoa bên, mọc trên thân không còn lá; đài hình mác hẹp, đỉnh nhọn, màu trắng, ở góc phớt tím; tràng hình mác, đỉnh tù; cánh môi màu tím, hình trứng, mép có diềm tua phân nhánh, bề mặt phủ lông mịn ở phần trước. |                                  |
| H12         | 1-3            | 2,25                       | 1,09    | 0,30 | 1,11      | 0,30 | 1,23     | 1,00 | Cụm hoa ở đỉnh, mọc trên thân còn lá; hoa màu vàng nhạt. Đài hình mác, đỉnh tù; tràng dạng lưỡi; cánh môi hình trứng, bề mặt phủ lông, có 3 đường sống ở giữa.  |                                  |
| H13         | 1-4            | 5,00                       | 3,52    | 1,21 | 3,10      | 1,20 | 2,34     | 1,87 | Cụm hoa ở đỉnh, mọc trên thân còn lá; hoa màu vàng, có mùi thơm đặc trưng. Đài và tràng hình mác, đỉnh nhọn; cánh môi hình trứng ngược, có lớp lông mịn, ở giữa màu xanh lá nhạt.                                     |                                  |
| H14         | 4-8            | 2,40                       | 1,72    | 0,65 | 1,64      | 0,35 | 1,80     | 0,50 | Cụm hoa mọc phần đỉnh, mọc trên thân còn lá, dài 20cm; hoa màu vàng lục; đài và tràng dạng thuôn hay trứng ngược thuôn; cánh môi hình trứng ngược, có lông ở mép.   |                                  |
| H15         | 1              | 3,25                       | 2,22    | 1,02 | 2,30      | 1,10 | 3,40     | 2,93 | Cụm hoa đỉnh, mọc trên thân còn lá; hoa màu trắng; đài và tràng hình mác, đỉnh hơi nhọn; cánh môi hình tim, màu trắng, góc màu cam hoặc vàng.   |                                  |
| H16         | 1              | 3,58                       | 2,67    | 1,50 | 2,70      | 1,45 | 3,50     | 3,70 | Cụm hoa đỉnh, mọc trên thân còn lá; hoa màu trắng; đài và tràng hình mác, đỉnh hơi nhọn; cánh môi hình tim, màu trắng, góc màu cam hoặc vàng.   |                                  |

Từ bảng 3, cụm hoa thường gặp từ 1 - 4 hoa (H1, H2, H3, H6, H7, H8, H9, H10, H11, H12), đôi khi nhiều hoa (H4, H5: 9-15 hoa), có khi chỉ 1 hoa (H6, H9, H15, H16). Cụm hoa mọc trên thân còn lá (H1, H2,...) hoặc trên thân rụng gần hết lá (H6, H7) hoặc trên thân không còn lá (H9, H10). Các loài hoa lan Hoàng thảo có sự khác biệt rõ rệt với nhau về kích thước, số lượng, cách sắp xếp và màu sắc, hình dạng cánh đài, cánh tràng, cánh môi. Hoa thường không quá lớn, đường kính dao động trong khoảng 2,0-5,5cm. Các cánh đài có hình mác, đỉnh nhọn (H2, H3, H6, H7, H8, H10); hoặc hình mác hẹp, đỉnh nhọn (H11); hoặc hình mác, đỉnh tù (H1, H9, H12, H15, H16); đôi khi là hình mác, tròn đầu (H4, H5). So với cánh đài, cánh tràng ít nhiều có kích thước và màu sắc khác biệt. Cánh tràng có hình mác (H9, H15, H16), hình mác rộng (H4, H5), hình mác tù (H7, H11), hình gần tròn (H2, H3), hình bầu dục (H1, H6), hình thuôn (H8, H10) hay hình lưỡi (H12); có màu vàng nhạt đến vàng thẫm (H2, H3, H4, ...), màu trắng (H1, H8, H15, H16) hay tím nhạt (H6, H7, H11). Cánh môi khác nhiều so với các phần còn lại của bao hoa cả về màu sắc, kích thước và cách sắp xếp, bố trí các đặc điểm trên cánh môi. Cánh môi có màu vàng (H1, H8, H9, H10) hay vàng nhạt (H12), màu trắng có đốm cam ở giữa (H2, H3, H4, H5) hay trắng gốc cam (H15, H16), màu tím nhạt (H6, H7) hay màu tím (H11); hình gần tròn (H1, H2, H3, H6, H7, H10), hình tròn (H4, H5), hình trứng (H11, H12), hình tim (H15, H16) và hiếm khi gặp hình bầu dục (H9), hình phễu (H12) hay hình thoi cụt (H8); đặc điểm trang trí trên cánh môi như đốm (H1, H4, H5, H7, H13), có gân (H6), diềm tua (H10, H11), lông phủ (H2, H3, H4, H5, H8, H10, H12) hay chỉ có lông phủ ở phần trước (H11), u lồi (H8), đường sống (H12, H15, H16) là những đặc điểm chiếm vị trí khá quan trọng trong phân loại.

#### 4. KẾT LUẬN

Qua kết quả nghiên cứu cho thấy, 16 loài lan Hoàng Thảo bản địa được thu thập tại các tỉnh phía Nam Việt Nam đã được đánh giá đa dạng ở mức độ hình thái các loài lan Hoàng Thảo thu được rất đa dạng và phong phú về hình dạng, kích thước và màu sắc của lá, hoa. Màu sắc hoa đa dạng, từ màu trắng, vàng nhạt, vàng đến vàng đậm, cánh môi tròn to hoặc nhọn, các đốm chấm trên cánh hoa nhiều hoặc ít, màu nâu, đỏ nâu hoặc đỏ, có lông, có u lồi...

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] World Checklist of Selected Plant Families: Royal Botanic Gardens, Kew (2023), [https://powo.science.kew.org/results?f=&sort=name\\_asc&q=dendrobium](https://powo.science.kew.org/results?f=&sort=name_asc&q=dendrobium), truy cập ngày 20/3/2023.
- [2] Dương Đức Huyền (2007), *Thực vật chí Việt Nam - Flora of VietNam*, tập 9, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- [3] Z. Y. Wu, P. H. Raven, D. Y. Hong (2009), *Flora of China. Vol. 25 (Orchidaceae)*, Science Press Beijing, and Missouri Botanical Garden Press, St. Louis.
- [4] Trần Hợp (1998), *Phong Lan Việt Nam*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
- [5] Trần Duy Quý (2005), *Sổ tay người Hà Nội chơi Lan*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
- [6] Lưu Chân Long (2003), *Trồng và thưởng thức Lan nghệ thuật*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [7] Nguyễn Nghĩa Thìn (2007), *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.

## STUDYING ON GENETIC DIVERSITY OF *DENDROBIUM* SPECIES IN THE SOUTH OF VIETNAM

Trinh Thi Huong, Nguyen Thi Yen, Nguyen Thi Thu Huong

### ABSTRACT

*Dendrobium* orchids rank second in the Orchidaceae family in terms of quantity and economic value. Among 16 samples of different native *Dendrobium* species collected from various provinces in Southern Vietnam and cultivated and preserved in orchid gardens in Hanoi, diversity has been evaluated at the morphological level. As a result, the collected *Dendrobium* orchid species exhibit a high level of diversity and richness. Flower colors vary widely: white, light yellow, yellow, deep yellow...; spots on the petals vary in number and color, ranging from brown to reddish-brown, with hairs, bumps, etc. This has significant implications for conservation efforts and breeding of economically and scientifically valuable orchid varieties.

**Keywords:** Diversity, *Dendrobium*, orchidaceae.

\* Ngày nộp bài: 16/2/2023; Ngày gửi phản biện: 28/2/2023; Ngày duyệt đăng: 10/12/2023